

TÒA ÁN ND HUYỆN VÕ NHAİ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2022

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Việt Hồng và bà Triệu Thị Xuân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án, TAND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1968, có mặt.

Trú tại: Xóm B, xã PG, huyện VN, tỉnh TN.

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Bị đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1975, vắng mặt lần thứ 2.

Trú tại: Xóm Bản, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 1/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Văn H trình bày: Anh và chị T kết hôn từ năm 1994 khi đó tổ chức theo phong tục địa phương, đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Giao, huyện VN, tỉnh TN. Trước khi cưới được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, sau khi cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, từ năm 2007 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Năm 2018 chị T bỏ nhà ra ngoài làm ăn, thi thoảng mới về nhà thăm các

con rồi đi luôn. Bản thân anh và các con cũng đã gọi chị T về nhưng chị T không quay về sống cùng anh nữa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Đặng Thị C sinh năm 1995 và Đặng Văn K sinh năm 1996, hiện nay các con đã trưởng thành anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà gỗ tạp diện tích khoảng 70m², đất thổ cư 400m², ruộng cấy 5 sào, khoảng 5 ha rừng ngoài ra không có tài sản gì khác. Anh sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bàn Thị T: Sau khi nhận được đơn khởi kiện của anh H quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 20/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã PG, Công an xã PG, Ban xóm B và gia đình chị T xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho chị T, gia đình chị T nhận và đã giao cho chị T, hiện nay chị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn H cho anh H được ly hôn chị Bàn Thị T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Án phí anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Bàn Thị T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm B, xã PG, huyện VN, tỉnh TN, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 26/5/2022 Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh H về việc xin ly hôn đối với chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 20/7/2022, Tòa án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã PG, Công an xã PG, Ban xóm B và gia đình chị T xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho chị T, gia đình chị T nhận và đã thông báo cho chị T biết, hiện nay chị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Đặng Văn H và chị Bàn Thị T là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PG, huyện VN, tỉnh TN. Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên từ năm 2007 đến nay vợ chồng anh H chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do chị T không chăm lo cuộc sống gia đình, đã nhiều lần anh H khuyên chị T suy nghĩ lại về chung sống với nhau nhưng chị T không thay đổi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H xin được ly hôn chị T.

[4]. Về con chung: Quá trình điều tra giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H khai anh và chị T có 2 con chung là Đặng Thị C sinh năm 1995 và Đặng Văn K sinh năm 1996, hiện nay các cháu đã trưởng thành. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà gỗ tạp diện tích khoảng 700m², đất thổ cư 400m², ruộng cấy 5 sào, khoảng 5 ha rừng ngoài ra không có tài sản gì khác. Số tài sản trên anh tự thỏa thuận với chị T anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa vắng mặt chị T, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Anh H khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Buộc anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Đặng Văn H được ly hôn chị Bàn Thị T.

2- Về con chung: Cháu Đặng Thị C sinh ngày 16/01/1995 và Đặng Văn K sinh ngày 17/6/1996 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Buộc anh Đặng Văn H phải chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004937 ngày 26 tháng 5 năm 2022.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Phương Giao;
- Các đương sự;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương